

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TCN – GDTX THÁP MƯỜI

☐ ★ ☐

GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN:
TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCNGDTX ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề - Giáo dục thường xuyên Tháp Mười.*

Tháp Mười, năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn giáo trình Tâm lý học xã hội này được biên soạn dành cho sinh viên công tác xã hội – trình độ trung cấp.

Nội dung của cuốn giáo trình bao gồm 5 chương:

Mục tiêu của giáo trình nhằm:

—Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất và lịch sử hình thành tâm lý học xã hội.

—Giúp sinh viên nhận thức rõ bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội trong quá trình hoạt động và giao tiếp giữa các cá nhân.

—Giúp sinh viên nắm vững những đặc điểm tâm lý và các giai đoạn phát triển của nhóm xã hội. Từ đó có thể vận dụng vào trong quá trình thực hành công tác xã hội với nhóm xã hội cụ thể.

Trong quá trình biên soạn giáo trình này tác giả đã cố gắng rất nhiều để hoàn thành kịp thời cung cấp cho sinh viên. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót nhất định. Tác giả kính mong nhận được sự đóng góp và bổ sung ý kiến của bạn đọc.

Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả cảm ơn sự phối hợp và những ý kiến góp ý có giá trị từ các giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long và các đơn vị giáo dục nghề nghiệp bạn. Nhóm tác giả hy vọng rằng tài liệu này sẽ cung cấp những kiến thức, kỹ năng và những công cụ hữu ích cho việc giảng dạy, học tập trong quá trình đào tạo nghề công tác xã hội.

Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp hữu ích để có thể điều chỉnh tốt hơn trong tương lai và phù hợp hơn với nhu cầu học tập của mọi người./.

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 9 năm

2019 Tham gia thực hiện

1. Kiều Văn Tu

2. Võ Trí Trọng

3. Nguyễn Hòa Thuận

4. Nguyễn Văn Cường

MỤC LỤC

Chương 1: Tâm lý học xã hội là một khoa học	7
Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội	18
Chương 3: Tâm lý học về nhóm	24
Chương 4: Các hiện tượng tâm lý xã hội	46
Chương 5: Quan hệ liên nhân cách và sự hoàn thiện nhân cách	62

Tailieu.vn

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tâm lý học xã hội

Mã môn học: MH12

Thời gian thực hiện môn học: : 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập:

29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

= Vị trí môn học: Môn học cung cấp cho học sinh những kiến thức về tâm lý học xã hội là một khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học, nhóm, các hiện tượng tâm lý xã hội, quan hệ liên nhân cách và sự hoàn thiện nhân cách sẽ giúp học sinh hiểu và giải thích được các sự vật hiện tượng trong hoạt động học tập, cuộc sống, giao tiếp và nhất trong các mối quan hệ xã hội đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh, biết vận dụng kiến thức tâm lý học xã hội vào việc học tập, giảng dạy và trong thực tiễn cuộc sống để giao tiếp ứng xử, rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn.

= Tính chất của môn học: Là môn lý thuyết chuyên môn nghề bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học: - Kiến thức:

+ Trình bày được tổng quan về tâm lý học xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử hình thành và phát triển, những quan điểm chủ yếu trong tâm lý học xã hội...

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản của tâm lý học xã hội:

+ Khái niệm nhóm xã hội và những hiện tượng tâm lý học xã hội

+ Quy luật hình thành, mối quan hệ liên nhân cách trong nhóm và tập thể các đặc điểm tâm lý của người Việt.

= Kỹ năng:

+ Vận dụng kiến thức tâm lý học xã hội để phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội mà mình đang trực tiếp quản lý, từ đó biết tiến hành hoạch định ra những phương thức chung để quản lý nhóm một cách đúng đắn.

+ Xác định những phương thức tác động cần thiết để tiến hành xây dựng tập thể mình thành tập thể vững mạnh, biết tạo lập và giữ vững một cách hợp lý những mối quan hệ liên nhân cách. Biết thường xuyên tự rèn luyện, học tập và tự tu dưỡng bản thân để phát triển vững chắc những phẩm chất tâm lý cần thiết.

+ Thực hiện tiểu luận, đề tài nghiên cứu tâm lý học xã hội trong công tác xã hội.

=Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học xã hội, tích cực học tập, có hứng thú và nghiêm túc trong học tập, thấy được tính thiết thực của môn học, vận dụng có hiệu quả các kiến thức của tâm lý học xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh trong cuộc sống, yêu thích môn học.

Tailieu.vn

Chương 1: Tâm lý học xã hội là một khoa học

≡ Mục tiêu:

- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học xã hội.
- Trình bày được các cấu trúc của tâm lý học xã hội.
- Trình bày được các học thuyết của tâm lý học xã hội.
- Trình bày được lịch sử hình thành của tâm lý học xã hội.

≡ Nội dung chương:

2.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học xã hội

2.1.1. Đối tượng

Giống như mọi khoa học. Tâm lý học xã hội cần phải xác định rõ đối tượng nghiên cứu của mình. Cũng không phải là ngoại lệ, khi trong lịch sử phát triển của Tâm lý học xã hội, vấn đề đối tượng của khoa học này đã là vấn đề của nhiều cuộc tranh luận. Vấn đề xác định đối tượng của Tâm lý học xã hội lại càng trở nên khó khăn hơn bởi tính chất giao thoa và sự đa dạng của các vấn đề mà nó nghiên cứu.

Có thể điểm qua những quan điểm khác nhau về đối tượng của Tâm lý học xã hội như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, Tâm lý học xã hội phải nghiên cứu các hiện tượng tâm lý đám đông như tâm lý tầng lớp, cộng đồng xã hội, bao gồm: truyền thống đạo đức, tập quán; nghiên cứu các tập thể, các quan điểm xã hội. Những nghiên cứu sớm trong lịch sử Tâm lý học xã hội đều tập trung vào đối tượng đám đông. Các tác phẩm của G.Tard về tâm lý dân tộc, của G.Lebon về tâm lý đám đông là minh họa cho quan điểm này.

Quan điểm thứ hai cho rằng, Tâm lý học xã hội phải nghiên cứu nhân cách: đặc điểm loại hình, vị trí, các mối quan hệ liên nhân cách trong đời sống xã hội. Quan điểm này xuất phát từ nghiên cứu nhân cách, đặt các nhân cách trong mối quan hệ liên nhân cách. Cơ sở lý luận của nó chính là bản chất xã hội và giá trị xã hội của nhân cách.

Quan điểm thứ ba: nghiên cứu cả các quá trình tâm lý đại chúng, cả vị trí của cá nhân trong nhóm; những thay đổi hoạt động tâm lý của cá nhân trong nhóm do ảnh hưởng của sự tác động qua lại, các đặc điểm nhóm, các khía cạnh tâm lý của các quá trình xã hội. Các nhà tâm lý học xã hội theo quan điểm này tập trung vào việc nghiên cứu suy nghĩ, hành vi xã hội của cá nhân, tri giác xã hội, sự ảnh hưởng xã hội đối với các cá nhân.

Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội:

Các quan điểm nêu trên cho thấy: đối tượng của Tâm lý học xã hội là rất rộng và phải xác định từ hai phía - cá nhân và nhóm xã hội. Từ đó, ngày nay một cách phổ biến, đối tượng của Tâm lý học xã hội được xác định như sau:

- = Các hiện tượng tâm lý chung của nhóm xã hội cụ thể nảy sinh trong quá trình giao tiếp và tác động qua lại giữa các cá nhân.

- =Cái chung, đặc trưng, cái bản chất trong tâm lý nhiều người trong các nhóm xã hội nhất định.
- =Những đặc trưng tâm lý cơ bản của các loại nhóm xã hội được tạo nên từ sự tác động qua lại.
- =Các quy luật nảy sinh hình thành, vận động và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội và sự tác động qua lại. Cách xác định như vậy cho phép bao quát một diện rộng các vấn đề mà Tâm lý học xã hội cần giải quyết. Đồng thời nó định hướng cho việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý không phải đơn thuần của cá nhân mà là các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong đời sống xã hội của con người.

Từ cách xác định như vậy, trong quá trình phát triển của Tâm lý học xã hội, hàng loạt các phân ngành ra đời và tập trung sâu hơn vào các vấn đề trong từng lĩnh vực cụ thể như tâm lý học tôn giáo, tâm lý học dân tộc, tâm lý học giới tính...

2.1.2. Nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội

* Nghiên cứu lý luận: Với tư cách là một bộ môn khoa học giao thoa, sử dụng nhiều tri thức khoa học từ các ngành khoa học liên quan, đồng thời tập trung vào việc nghiên cứu các hiện tượng rất phức tạp, Tâm lý học xã hội muốn khẳng định được vị trí của nó trong hệ thống các khoa học thì không thể coi nhẹ việc nghiên cứu lý luận. Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận tập trung vào các nội chính như sau:

- =Xác lập hệ thống các khái niệm khoa học riêng của Tâm lý học xã hội, đặc biệt thống nhất nội hàm của các khái niệm dùng trong lĩnh vực này giữa các nhà khoa học và phân biệt các khái niệm đó với các khái niệm gần hoặc có liên quan trong các lĩnh vực khác. Việc sử dụng các khái niệm của các khoa học giao thoa với nội hàm không xác định làm đánh mất bản chất tâm lý xã hội của khái niệm cũng như tạo ra sự lẫn lộn trong việc trao đổi và phản biện khoa học. Điều đó làm giảm giá trị khoa học của các nghiên cứu.
- =Phát hiện các quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội, các quy luật của sự tác động qua lại giữa người với người trong các nhóm, các quan hệ xã hội.

Cụ thể: phát hiện những điều kiện chủ quan, khách quan của sự hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội, những hình thái biến động, các cơ chế diễn ra các hiện tượng đó. Đóng góp của Tâm lý học xã hội đối với khoa học khác và đối với đời sống xã hội chính là ở nội dung này. Trên cơ sở các quy luật được phát hiện, Tâm lý học xã hội có thể góp phần lý giải các hiện tượng tâm lý xã hội nảy sinh, dự báo xu hướng của các hiện tượng đó và chỉ ra cách thức tác động đến các hiện tượng tâm lý xã hội.

- =Xây dựng, thiết kế các phương pháp nghiên cứu đặc thù để nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội. Trong các phương pháp đã có, Tâm lý học xã hội khá mạnh với việc sử dụng các phương pháp thực nghiệm để làm bộc lộ các quy luật và các cơ chế của các hiện tượng tâm lý xã hội tuy vậy trong xu hướng nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội ở phạm vi rộng lớn như tâm lý tộc người, tôn giáo, xuất hiện những khó khăn nhất định về phương pháp nghiên cứu.

* Nghiên cứu thực tiễn: Có thể nói những vấn đề thực tiễn ngày càng được đặt ra hết sức đa dạng trước Tâm lý học xã hội và các chuyên ngành hẹp của nó. Việc ứng dụng các quy luật chung của Tâm lý học xã hội vào các lĩnh vực hẹp hơn trong đời sống xã hội liên tục làm nảy sinh các chuyên ngành mới với các vấn đề nóng hổi và phức tạp. Tâm lý học dân tộc đang rất được chú ý trong quá trình hội nhập và toàn cầu hóa với các vấn đề thực tiễn cần giải quyết: làm thế nào để gìn giữ bản sắc dân tộc, sự đồng nhất về văn hóa và tâm lý dân tộc có vai trò thế nào trong quá trình hội nhập? Tâm lý học tôn giáo với các vấn đề về niềm tin tôn giáo, tình cảm tôn giáo trong thời kỳ có sự tác động qua lại mạnh mẽ của các tôn giáo khác nhau sẽ như thế nào? Tâm lý học giới tính lại đối đầu với các vấn đề nóng bỏng: đâu là nguyên nhân tâm lý xã hội của các hiện tượng đồng giới? Hệ quả của các phong trào đồng giới đối với đời sống xã hội nói chung? Đặc trưng tâm lý xã hội của các nhóm đồng giới?... Cũng như vậy, Tâm lý học quản lý, Tâm lý học tổ chức và công nghiệp cũng đang đứng trước các vấn đề thực tiễn hết sức cấp bách. Việc giải quyết các vấn đề thực tiễn vừa là một nhiệm vụ xã hội đặc ra với Tâm lý học xã hội nói chung và các chuyên ngành của nó nói riêng vừa là nhiệm vụ bên ngoài, vừa là sự thúc đẩy bên trong của chính Tâm lý học xã hội. Giải quyết được các nhiệm vụ đó sẽ tạo ra sự phát triển cho chính Tâm lý học xã hội và khẳng định vị trí của Tâm lý học xã hội trong hệ thống các khoa học và trong đời sống xã hội.

2.2. Sơ lược lịch sử hình thành của tâm lý học xã hội

Việc chỉ ra những dấu mốc cơ bản trong lịch sử của Tâm lý học xã hội nhằm tới hai mục đích.

Thứ nhất, người nghiên cứu có được bức tranh chung về tiến trình ra đời và phát triển của Tâm lý học xã hội với tư cách là một ngành khoa học.

Thứ hai, quan trọng hơn, nó giúp chỉ ra được bản chất của Tâm lý học xã hội, về các vấn đề Tâm lý học xã hội giải quyết, về sự phát triển trong các quan niệm về đối tượng của Tâm lý học xã hội. Cũng giống như nhiều bộ môn khoa học khác, các tư tưởng riêng lẻ đề cập đến các hiện tượng tâm lý xã hội đã xuất hiện từ thời kỳ cổ đại, dưới hình thức chung nhất là các tư tưởng và các học thuyết triết học. Nguồn gốc của các tư tưởng đó chính là các hiện tượng tâm lý xã hội trong cuộc sống có thể được quan sát thấy như: sự cuồng loạn hay hoảng loạn của đám đông, sự thăng hoa trong các lễ tế thần, sự đua theo các ý tưởng của đa số, sự tôn sùng của các cộng đồng đối với thủ lĩnh...

Tất cả các hiện tượng tâm lý xã hội đó trong cuộc sống đã đặt các nhà triết học, các nhà tư tưởng trước những câu hỏi lớn: Điều gì thúc đẩy con người cùng tiến hành các hành động như vậy? Cái gì chi phối hành vi của một nhóm, một cộng đồng người? Trả lời các câu hỏi đó, các nhà triết học đã đưa ra những ý tưởng đầu tiên về các hiện tượng tâm lý xã hội. Rất nhiều nhà nghiên cứu đều nhìn thấy sự tồn tại của các tư tưởng Tâm lý học xã hội trong lòng các lý thuyết triết học cổ đại.

Các ý tưởng về “tâm lý dân tộc” - sự khác biệt trong tâm lý của dân tộc này với dân tộc khác, các “bản năng đám đông” có thể tìm thấy trong các công trình của Aristot hay Platon. G.Allport cho rằng người đặt nền móng cho các vấn đề của Tâm lý học xã hội là

Platon. Nói cách khác, các mầm mống của Tâm lý học xã hội đã được gieo từ thời kì cổ đại, trên chính mảnh đất là cuộc sống xã hội của con người. Xã hội ngày càng phát triển hơn, các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, việc điều chỉnh hành vi xã hội cũng ngày càng trở nên cần thiết hơn. Cùng với sự đòi hỏi ngày càng cao, càng mang tính cấp thiết của xã hội và sự phát triển của các khoa học khác nhau, Tâm lý học xã hội trở thành một khoa học độc lập.

Tâm lý học xã hội trở thành một khoa học độc lập:

Theo quan điểm của Andrêeva, khi xem xét vấn đề tâm lý học trở thành một khoa học độc lập như thế nào cần phải chú ý đến ba yếu tố:

- 1) Các yêu cầu đối với việc giải quyết các vấn đề Tâm lý học xã hội, xuất hiện trong các ngành khoa học giáp ranh khác nhau mà bản thân các khoa học đó chưa giải quyết được;
- 2) Các quá trình chuẩn bị phân tách các vấn đề Tâm lý học xã hội bên trong hai bộ môn “mẹ” chủ yếu: tâm lý học và xã hội học; 3) Đặc điểm của các dạng tri thức Tâm lý học xã hội độc lập đầu tiên - Đây là các động lực trực tiếp thúc đẩy sự ra đời của Tâm lý học xã hội như là một ngành khoa học độc lập. Giai đoạn giữa thế kỉ XIX là giai đoạn một loạt các bộ môn khoa học, trong đó có các bộ môn khoa học xã hội, đạt được những tiến bộ đáng kể. Ví dụ, ngôn ngữ học đã có sự phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu lớn lao. Năm 1859, M.Laxarus (1824 - 1903) và nhà ngôn ngữ học G.Steinthal (1823 - 1893) sáng lập tạp chí “Tạp chí tâm lý học dân tộc và ngôn ngữ” tại Đức. Vấn đề giao lưu ngôn ngữ và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc được quan tâm. Thế nhưng Ngôn ngữ học không thể giải quyết được các vấn đề như sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc bằng các phương tiện của mình. Cũng như vậy, các khoa học khác như Nhân chủng học, Dân tộc học, Khảo cổ học đến thời điểm đó đã tích lũy được rất nhiều dữ kiện. Trong tất cả các nghiên cứu này xuất hiện một hiện thực cần được tính đến: các đặc điểm tâm lý của một số các nhóm dân tộc, mối liên hệ của các sản phẩm văn hóa và truyền thống, các lễ nghi... Đó chính là lý do mà nhà tâm lý học xã hội người Mỹ T.Shibutani kết luận rằng Tâm lý học xã hội đã trở thành một lĩnh vực độc lập một phần vì các chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học xã hội khác nhau không thể giải quyết được các vấn đề nảy sinh - có liên quan đến Tâm lý học xã hội (Shibutani, 1999). Như vậy, rõ ràng trong sự phát triển của khoa học xuất hiện nhu cầu tách riêng một lớp các vấn đề mới không thuộc riêng về bất kì một bộ môn nào đang tồn tại rõ rệt hơn, nhu cầu này thể hiện trong việc phát triển của hai bộ môn khoa học được coi là “mẹ đẻ” của Tâm lý học xã hội: Tâm lý học và Xã hội học. Tâm lý học giữa thế kỉ XIX tập trung chủ yếu vào các vấn đề của tâm lý học cá nhân. Trong một số phần của nó, trước hết là trong bệnh lý tâm thần học bắt đầu xuất hiện các mầm mống của các khái niệm tương lai đề cập đến đặc trưng của các dạng tác động qua lại lẫn nhau của con người, các ảnh hưởng lẫn nhau của chúng... Bên cạnh đó cũng phát hiện ra sự phụ thuộc trong việc điều chỉnh tâm lý và hành vi cá nhân vào các tác động điều khiển từ phía người khác. Tức là sự điều chỉnh từ phía xã hội. Nói cách khác, một cách tự nhiên, xuất hiện các vấn đề liên quan đến Tâm lý học xã hội ngay trong lòng Tâm lý học. Các tri thức tâm lý - xã hội trong lòng lĩnh vực Xã hội học cũng dần được hình thành, nhưng theo một cách hoàn toàn khác. Gần như ngay từ thời gian đầu tồn tại của mình (giữa thế kỉ XIX) Xã hội học đi tìm kiếm các giải thích cho một loạt những sự

kiện xã hội bằng các quy luật từ những lĩnh vực tri thức khác. Ví dụ Spencer vận dụng các quy luật sinh học để giải thích xã hội trong trường phái hữu sinh: quy luật đấu tranh sinh tồn hay tiến hóa xã hội. Song việc quy giản sinh học không thể lý giải đúng đắn các quá trình xã hội và không thể giải thích được bản chất của các quá trình xã hội đã buộc các nhà nghiên cứu phải tìm kiếm các quy luật của Tâm lý học để giải thích cho các quá trình xã hội. Nguồn gốc của các hiện tượng xã hội được cho là nằm trong tâm lý của con người. Khía cạnh tâm lý trong mỗi hiện tượng xã hội trở thành sự quyết định về mặt tâm lý đối với các hiện tượng xã hội. Ví dụ, theo quan điểm nhà xã hội học người Pháp G.Tarde thì các sự kiện xã hội cơ bản bao hàm không phải trong phạm vi một bộ óc, mà trong sự tiếp xúc của một vài bộ óc, là đối tượng tâm lý học “liên trí óc” phải nghiên cứu. Mô hình tổng thể của một sự kiện xã hội được vẽ ra như là mối tương quan của hai cá nhân, trong đó một người bắt chước người khác. Như vậy, trong quá trình phát triển của hai bộ môn khoa học: Tâm lý học và Xã hội học, hiện rõ sự dịch chuyển theo chiều gặp nhau kết thúc bằng việc hình thành các vấn đề đã trở thành đối tượng của một bộ môn khoa học mới.

2.3. Tâm lý học xã hội trong hệ thống các khoa học khác

Tâm lý học xã hội với Xã hội học và Tâm lý học

Đến nay đã có được sự đồng thuận tương đối về đối tượng của Tâm lý học xã hội. Nhưng sự đồng thuận trong quan niệm về phạm vi các nhiệm vụ được giải quyết bởi Tâm lý học xã hội không có nghĩa là đã có sự thống nhất trong cách hiểu về các quan hệ của nó với Tâm lý học và Xã hội học. Bởi vậy cuộc tranh luận về vấn đề “ranh giới” của Tâm lý học xã hội vẫn diễn ra khá độc lập. Ở đây có thể nêu ra ba lập trường:

- 1) Tâm lý học xã hội là một phần của Xã hội học;
- 2) Tâm lý học xã hội là một phần của Tâm lý học;
- 3) Tâm lý học xã hội - đó là khoa học ở vị trí tiếp giáp của Tâm lý học và Xã hội học, trong đó bản thân “chỗ tiếp giáp” được hiểu theo hai cách:
 - a) Tâm lý học xã hội chiếm một phần nào đó của Tâm lý học và một phần nào đó của Xã hội học;
 - b) bị nó chiếm phần “vô chủ” - lĩnh vực không thuộc cả Xã hội học cũng như Tâm lý học.

Nếu theo đề xuất của các nhà tâm lý học xã hội Mỹ Mc.Dougall và G.Harary, thì tất cả các lập trường nói trên có thể đưa về hai quan điểm: nội ngành và liên ngành. Nói cách khác, vị trí của Tâm lý học xã hội có thể tìm ở bên trong một lĩnh vực “mẹ” hay trên ranh giới giữa chúng.

Mặc dù có những khác biệt dường như rất cơ bản, tất cả các quan điểm được đưa ra về bản chất đều dừng lại trước một vấn đề: “ranh giới” nào phân chia Tâm lý học xã hội với Tâm lý học và với Xã hội học. Vì có đặt Tâm lý học xã hội ở đâu thì trong mọi hoàn cảnh nó cũng tiếp xúc với hai bộ môn này.

Tâm lý học xã hội với các khoa học khác:

Là bộ môn khoa học “giao thoa” giữa Tâm lý học xã hội và Xã hội học, đương nhiên Tâm lý học xã hội có quan hệ chặt chẽ không chỉ với hai khoa học mẹ mà còn có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành khoa học khác, cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Khoa học tự nhiên, đặc biệt là khoa học Sinh lý thần kinh và Sinh học có vai trò to lớn đối với Tâm lý học xã hội. Nhiều nhà nghiên cứu Tâm lý học xã hội sử dụng các tri thức về hoạt động của hệ thần kinh nhằm lý giải các hiện tượng tâm lý đám đông như sự hoảng loạn, sự ám thị, sự lây lan xúc cảm, tình cảm, hay đi tìm các cơ chế hoạt động của não bộ để lý giải hiện tượng đồng cảm giữa con người với con người. Một loạt các lý thuyết của sinh học đã từng được sử dụng để giải thích các hiện tượng tâm lý xã hội như khái niệm “tâm lý bầy đàn”, “sự hấp dẫn bầy đàn”. Ngay cả việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội liên quan đến các nhóm giới tính: sự hấp dẫn giới tính, các hành vi của các giới khác nhau, cũng không hiếm khi các nhà nghiên cứu phải xuất phát từ các hiểu biết về cơ sở sinh học của chúng. Các kiến thức toán học cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn với hai xu hướng: dùng để mô hình hóa các hiện tượng tâm lý xã hội (mặc dù hướng này còn rất hạn chế) và hữu dụng hơn là xu hướng sử dụng các phép toán thống kê để phân tích sâu các hiện tượng tâm lý xã hội. Các phép tính tương quan, phân tích nhân tố, các kiểm định... được sử dụng rất phổ biến. Với tư cách là khoa học về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy con người, triết học cung cấp các cơ sở phương pháp luận cho Tâm lý học xã hội. Từ việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu, cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu đến việc phân tích, giải thích và khái quát kết quả nghiên cứu, các nhà Tâm lý học xã hội đều dựa trên lập trường triết học nhất định.

Vấn đề đã và vẫn đang là trung tâm của các cuộc tranh luận liên quan đến vấn đề phương pháp luận là ảnh hưởng (tích cực hay tiêu cực) của việc một nhà Tâm lý học xã hội đứng trên một lập trường triết học nào đó để giải quyết một vấn đề tâm lý xã hội. Vấn đề này được gọi là vấn đề giá trị (tư tưởng) trong nghiên cứu Tâm lý học xã hội. Dù câu trả lời là thế nào đi nữa, không thể có nhà tâm lý học xã hội nào lại không đứng trên một lập trường triết học nhất định để giải quyết vấn đề tâm lý xã hội. Để nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội, Tâm lý học xã hội sử dụng rất nhiều những thành tựu của các khoa học xã hội và nhân văn. Muốn chỉ ra các đặc điểm tâm lý của nhóm lớn như dân tộc chẳng hạn, không thể thiếu các kiến thức của dân tộc học, lịch sử dân tộc, văn hóa học. Khá nhiều vấn đề mang tính giao thoa trong Tâm lý học xã hội và các khoa học xã hội nhân văn kể trên như vấn đề nhóm gia đình, vấn đề truyền thống của một cộng đồng hay vấn đề giới... Muốn làm rõ các hiện tượng tâm lý xã hội như dư luận xã hội, tâm trạng xã hội, không thể bỏ qua các vấn đề kinh tế học, chính trị học, quản trị học. Các khoa học xã hội nhân văn cung cấp các tư liệu đa dạng và nhiều chiều về con người trong các mối quan hệ xã hội khác nhau. Ngược lại, các tri thức mà Tâm lý học xã hội phát hiện ra lại đóng vai trò quan trọng đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Chính việc ra đời của Tâm lý học xã hội là minh chứng cho sự cần thiết của nó trong việc giải quyết những vấn đề mà một số khoa học khác chưa giải quyết được một cách đầy đủ.

Tóm lại, Tâm lý học xã hội luôn bị đặt trước những đòi hỏi của đời sống xã hội trong việc giải quyết hàng loạt các vấn đề phức tạp và đa diện. Do vậy chỉ khi sử dụng các kiến thức của các khoa học khác có liên quan, Tâm lý học xã hội mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Đồng thời nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội, Tâm lý

học xã hội cung cấp cho các khoa học khác những kiến thức để làm rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của các hiện tượng xã hội. Đây cũng chính là cơ sở của mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa Tâm lý học xã hội và các khoa học khác.

2.4. Cấu trúc của tâm lý học xã hội

Hiện tượng tâm lý xã hội đa dạng, phong phú và phức tạp, bởi nó là sự phản ánh sinh động thực tế cuộc sống. Người ta phân loại các hiện tượng tâm lý xã hội dựa trên những căn cứ khác nhau. Khi nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội có thể căn cứ vào mức độ ảnh hưởng nhiều hay ít của các hiện tượng tâm lý xã hội; tính chất tác động mạnh yếu của chúng; sự bền vững hay tạm thời; phạm vi ảnh hưởng rộng hay hẹp theo đó có:

- = Nhóm thứ nhất bao gồm các hiện tượng tâm lý xã hội của nhóm như tâm lý nhóm lớn, tâm lý nhóm nhỏ, tâm lý nhóm vừa.
- = Nhóm thứ hai gồm các hiện tượng tâm lý xã hội tạo ra bản sắc dân tộc, cộng đồng, thực hiện chức năng duy trì tồn tại xã hội như truyền thống, phong tục tập quán, thói quen, tín ngưỡng, nghi lễ giao tiếp xã hội...
- = Nhóm thứ ba là các hiện tượng tâm lý xã hội hình thành do tác động tổng hợp chung, có ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội, tạo ra sắc thái cảm xúc cho xã hội như dư luận xã hội, tâm trạng xã hội, bầu không khí tâm lý chung, uy tín trong xã hội, tâm thế, định hướng giá trị xã hội...
- = Nhóm thứ tư gồm các quá trình tâm lý xã hội có ảnh hưởng mạnh về cường độ nhưng thiếu tính ổn định và bền vững trong đời sống của nhóm và cộng đồng như bắt trước, lây lan tâm lý, thi đua, tranh đua, đồng cảm ác cảm, ám thị...

Bản chất hiện tượng tâm lý xã hội: Mỗi một cá nhân bao giờ cũng tồn tại trong một nhóm, một xã hội nhất định và hoạt động giao tiếp của họ luôn diễn ra trong các điều kiện xã hội lịch sử nhất định. Do đó, tâm lý cá nhân là cơ sở để hình thành tâm lý xã hội. Nhưng hiện tượng tâm lý xã hội không phải là sự cộng lại của tâm lý cá nhân mà nó mang bản chất xã hội sâu sắc, là sản phẩm của hoạt động chung, những điều kiện xã hội lịch sử chung.

Hiện tượng tâm lý xã hội bao giờ cũng là tâm lý chung của nhiều người, chủ thể của tâm lý xã hội là nhóm xã hội: có nhóm lớn, nhóm nhỏ; nhóm chính thức - nhóm không chính thức; nhóm đặc biệt là đám đông. ở trong nhóm xã hội, hoạt động xã hội, quan hệ qua lại và giao tiếp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng quyết định sự biểu hiện về nội dung cũng như hình thức của tâm lý xã hội. Hiện tượng tâm lý xã hội tồn tại và biểu hiện sinh động trong nhóm xã hội. ở trong nhóm xã hội diễn ra quá trình xã hội hoá, mỗi cá nhân chịu sự tác động ảnh hưởng của nhóm, của cái chung. Đồng thời cá nhân cũng tác động ảnh hưởng tới cá nhân khác và toàn nhóm, cộng đồng. Sự tác động qua lại diễn ra trong nhóm xã hội, chi phối điều chỉnh thái độ hành vi tâm lý nói chung của cá nhân, thành viên của nhóm, dẫn đến kết quả là hình thành nên tâm lý chung, tâm lý xã hội. Do đó có thể kết luận rằng, tâm lý xã hội là tâm lý của một nhóm xã hội nhất định phản ánh những điều kiện xã hội lịch sử chung nhất định nảy sinh từ sự tác động qua lại trong hoạt động và giao tiếp giữa các cá nhân trong nhóm. Chừng nào còn tồn tại xã hội, các nhóm xã hội với các mối quan hệ qua lại giao tiếp của những cá nhân thì chừng đó còn sự tồn tại và phát triển của hiện tượng tâm lý xã hội - hiện tượng tâm lý đặc trưng của các nhóm xã hội.

Quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội: Sự hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội có tính quy luật, đòi hỏi chúng ta phải nắm bắt, làm rõ cơ sở cho nghiên cứu và vận dụng để định hướng, điều khiển nó phục vụ cho thực tiễn cuộc sống.

= *Các hiện tượng tâm lý xã hội được hình thành và phát triển từ nguồn gốc tồn tại xã hội, từ thực tiễn cuộc sống.*

Đây là quan điểm duy vật lịch sử về sự nảy sinh và phát triển của tâm lý xã hội. Tồn tại xã hội là cái có trước, tâm lý xã hội là cái có sau. Tâm lý xã hội là biểu hiện cụ thể của sự phản ánh tồn tại xã hội, phản ánh những điều kiện xã hội lịch sử cụ thể vào các nhóm và cộng đồng xã hội. Nội dung của tồn tại xã hội của thực tiễn cuộc sống là nguồn gốc khách quan quyết định đến nội dung và các hình thức biểu hiện của các hiện tượng tâm lý xã hội. Tồn tại xã hội được hiểu là toàn bộ các mối quan hệ người - người trong xã hội như quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, tôn giáo, dân tộc... Các quan hệ xã hội đảm bảo cho một xã hội tồn tại và phát triển. Tồn tại xã hội nào thì có tâm lý xã hội tương ứng, phản ánh thực tại xã hội sinh động, trung thực, phức tạp như thực tiễn cuộc sống vậy.

= *Cái chung, cái riêng và cái đơn nhất thống nhất trong các hiện tượng tâm lý xã hội.*

Cái chung được hiểu là những hiện tượng tâm lý xã hội có tính nhân loại, chi phối đến tất cả loài người trên hành tinh và chúng mang tính phổ biến, tính thời đại, tính nhân bản trong tâm lý xã hội, là nét chung của các dân tộc. Cái chung của xã hội như nhu cầu, lợi ích, tình cảm, định hướng giá trị... là những hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến của các hình thái xã hội, của các mức độ phát triển xã hội.

Cái riêng được hiểu là những hiện tượng tâm lý xã hội của một dân tộc, nhóm, tập thể mang đặc trưng riêng của dân tộc, nhóm, tập thể nhất định.

Cái đơn nhất: mỗi hiện tượng tâm lý xã hội vận động và phát triển khác nhau ở các nhóm xã hội, không lặp lại. Sở dĩ có như vậy là vì mỗi nhóm xã hội có qui mô, tính chất khác nhau, mỗi hiện tượng tâm lý xã hội mỗi nhóm được hình thành chịu sự chi phối của điều kiện xã hội lịch sử cụ thể. Ví dụ: cùng phản ánh một sự kiện xã hội, nhưng dư luận xã hội trong đơn vị quân đội có đặc trưng riêng khác với các tập thể của xã hội.

= *Quy luật về mối quan hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau giữa người với người trong quá trình giao tiếp - là nhân tố hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội.*

Nội dung của quy luật này thể hiện ở chỗ: nguồn gốc của mọi hiện tượng tâm lý thuộc về mỗi cá nhân, không thể có hiện tượng tâm lý nằm ngoài cá nhân, tập thể và nhóm người nhất định. Không thể có hiện tượng tâm lý xã hội nếu chỉ xét ở bình diện cá nhân riêng lẻ hoặc cộng từng cá nhân mà thành. Hiện tượng tâm lý xã hội chỉ nảy sinh, hình thành, phát triển trong mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân trong lao động, giao tiếp xã hội vì một mục đích hoạt động chung nào đó.

Trên nền tảng của mối liên hệ liên nhân cách, thông qua giao tiếp, quan hệ mà tâm lý cá nhân này ảnh hưởng đến cá nhân khác... cứ tiếp diễn liên tục trong quan hệ nhiều người, các hiện tượng tâm lý xã hội được hình thành và phát triển nhằm duy trì sự ổn định của nhóm xã hội. Tạo cho nhóm xã hội phát triển với những nội dung và hình

thức mới phù hợp với quan hệ xã hội có thực trong nhóm xã hội. Khi đã xuất hiện các hiện tượng tâm lý xã hội thì chúng lại tác động vào nhóm xã hội, các quan hệ xã hội, đến mỗi cá nhân trong nhóm bằng con đường giao tiếp để định hướng, điều chỉnh hành vi của mọi người phù hợp với chuẩn hành vi của toàn nhóm xã hội. Đó là mối quan hệ biện chứng của sự hình thành và phát triển, vận động của các hiện tượng tâm lý xã hội.

Những ảnh hưởng giữa các cá nhân trong giao tiếp có thể bằng nhiều phương pháp, cách thức như thông báo, truyền tin, trao đổi cá nhân, thuyết phục, ám thị, hướng dẫn, nêu gương...; ảnh hưởng của cá nhân đến người khác có thể bằng tự khẳng định, uy tín, đạo đức, tài năng... và sự đánh giá, thừa nhận của xã hội về họ.

= *Qui luật kế thừa, lây lan và bắt chước trong nhóm xã hội.*

Trong đời sống và hoạt động của nhóm xã hội sẽ luôn luôn diễn ra sự kế thừa, lây lan và bắt chước lẫn nhau về những phương thức sống, hành vi, hoạt động của con người. Sự kế thừa những tinh hoa, di sản quý báu của quá khứ hay của các nhóm xã hội khác được diễn ra một cách thường xuyên, tích cực, tự giác, sáng tạo và ngày càng cao hơn. Trong các điều kiện cụ thể của quan hệ qua lại, giao tiếp xã hội, những hiện tượng tâm lý luôn lan truyền từ người này sang người khác, từ nhóm tập thể này sang nhóm tập thể khác làm cho các hiện tượng tâm lý xã hội càng phong phú, phức tạp hơn. Trên cơ sở đó, quá trình bắt chước lẫn nhau, là sự phản ánh nguyên mẫu hành vi phản ứng của người khác, một sự mô phỏng lại đối tượng của các hoạt động xã hội và giao tiếp xã hội đó cũng được nảy sinh. Qui luật bắt chước là hiện tượng không phụ thuộc vào ý muốn cá nhân. Bởi vì nhóm xã hội là tập hợp nhiều người cùng hoạt động theo những mục đích, nhiệm vụ cụ thể để cùng nhau hoạt động, cần được thống nhất hành động theo một phương thức nào đó mà trong nhiều trường hợp con người chưa kịp nhận thức đầy đủ ý nghĩa của hoạt động mà làm theo người khác. ở mỗi lứa tuổi khác nhau trong quá trình phát triển cá thể mức độ bắt chước cũng khác nhau: từ bắt chước thao tác đến hành vi, hành động; từ bắt chước vô thức đến có ý thức. Bắt chước trong nhóm diễn ra trong suốt quá trình xã hội hoá con người, là một phương thức tâm lý xã hội cần thiết đảm bảo cho con người tiếp thu và lĩnh hội những kinh nghiệm sống và hoạt động của người khác.

2.5. Các học thuyết trong tâm lý học xã hội

Vai trò của xã hội học trong việc hình thành Tâm lý học xã hội được thể hiện qua sự ảnh hưởng của các quan điểm của một số nhà xã hội học.

= Auguste Comte (1790 – 1857)

Comte đã phân chia tâm lý học theo hai khía cạnh: sinh học và xã hội học. Sự phân chia này có giá trị nhất định trong Tâm lý học xã hội.

Khi nói về nhân cách con người, ông đã thiên về khía cạnh bản năng. Theo ông, bản năng con người chia thành 2 loại chính: sự ích kỷ và lòng vị tha. Tính vị tha của bản năng có thể dẫn con người đến sự mềm yếu, nhu nhược. Ông cho rằng, xã hội cần khuyến khích lòng vị tha của con người như một mục đích trọng tâm của tổ chức, bên cạnh đó cần hạn chế tính ích kỷ của cá nhân.

Mặc dù rất quan tâm đến tâm lý học cá nhân, nhưng Comte vẫn nhấn mạnh rằng đơn vị xã hội thực là gia đình, nhờ nó mà xã hội phát triển. Gia đình, theo ông ngoài việc duy trì nòi giống còn nuôi dưỡng lòng vị tha của con người. Từ mái ấm gia đình, cá nhân sẽ trở thành thành viên xã hội hữu ích. Tâm lý học cá nhân theo hướng bản năng của Comte đã tác động mạnh đến tâm lý học xã hội tận đầu thế kỷ XX.

= Gabriel Tarde (1843 – 1904)

Tarde là một người sáng lập ra tâm lý học cá nhân trên cơ sở của xã hội học. Ông phản đối những quan điểm thái quá của tâm lý học cá nhân thời đó.

Một công trình nghiên cứu của Tarde có ảnh hưởng lớn đến sự ra đời của tâm lý học xã hội là cuốn: “Những quy luật của sự bắt chước”. Trong cuốn sách này ông đã lý giải cơ sở xã hội của sự tương tác giữa các cá nhân. Ông cũng là người đầu tiên đưa ra khái niệm mới về sự tương tác. Đây là một tiền đề dẫn đến sự hình thành tâm lý học xã hội.

= Durkheim (1858 – 1917)

Quan điểm của Durkheim là phản đối sự đề cao quá mức tâm lý học cá nhân khi ông nhấn mạnh đến hệ thống quy định xã hội. Ông ca ngợi và thích tranh luận về học thuyết “ý thức tập thể”.

Trong các nghiên cứu của mình, ông quan tâm nhiều đến các kiểu loại hành vi của nhóm hơn là các hành vi của cá nhân. Những nghiên cứu của ông về “ý thức tập thể” là đóng góp đặc biệt quan trọng cho tâm lý học xã hội.

= G. Lebon (1841 – 1931)

Trong các nghiên cứu của mình, ông chú ý nhiều đến tâm lý học nhóm. Ông đã làm sáng tỏ thêm những quan điểm của Durkheim về các hiện tượng tâm lý của nhóm. Lebon cũng bị ảnh hưởng bởi Tâm lý học xã hội của Tarde.

Tác phẩm nổi tiếng nhất của Lebon là cuốn “Đám đông” (The crowd). Trong cuốn sách này ông đã phân tích rất sâu sắc về tâm lý đám đông – một hiện tượng tâm lý rất đặc thù của Tâm lý học xã hội. Với cuốn sách này, ông đã trở thành người mở đường về vấn đề “hành vi tập thể” hiện đại.

= Charles Horton Cooley (1863 – 1929)

Cooley là nhà xã hội học Mỹ, người có quan điểm hiện đại về mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân. Ông nhấn mạnh, không thể tách rời yếu tố xã hội và yếu tố cá nhân trong cuộc sống của con người.

Ông đã viết ba cuốn sách nổi tiếng về vấn đề này: Bản chất con người và trật tự xã hội; Tổ chức xã hội; Sự phát triển xã hội. Cooley bị ảnh hưởng bởi học thuyết “bắt chước” của Tarde, quan điểm về đồng nhất của Schaffle và tâm lý học của W. James.

= E.A. Ross (1866 – 1951)

Ross là nhà xã hội học người Mỹ, người đã viết cuốn sách Tâm lý học xã hội (1908) – một trong những cuốn sách giáo khoa đầu tiên về ngành khoa học này. Nếu Cooley nhấn mạnh hơn đến khía cạnh tập thể thì Ross lại chú ý đến cả khía cạnh xã hội và khía cạnh cá nhân trong nghiên cứu quan hệ giữa xã hội và cá nhân.

Theo ông, vai trò của xã hội thể hiện qua sự ảnh hưởng của nhóm tới cá nhân và vai trò của cá nhân thể hiện qua sự ảnh hưởng của cá nhân tới nhóm. Các vai trò này xảy ra trong các hoàn cảnh xã hội. Quan điểm này của Ross đã bị ảnh hưởng bởi quan điểm của

Tarde về “sự bất chước” trong đời sống xã hội. *Các trường phái Tâm lý học* - Thuyết hành vi của Watson:

Thuyết hành vi ra đời vào năm 1913 trong bối cảnh Tâm lý học nội quan bước vào thời kỳ khủng hoảng và một số nhà tâm lý học cho rằng cần phải xác định lại đối tượng nghiên cứu của tâm lý học.

Thuyết hành vi là cơ sở để tâm lý học đầu thế kỷ XX từ bỏ di sản của trường phái nội quan và đưa Tâm lý học xã hội hiện đại đến chỗ tìm hiểu con người thông qua các hoàn cảnh xã hội và trước hết là nghiên cứu hành vi của con người. Sự đóng góp to lớn của thuyết hành vi đối với Tâm lý học xã hội thể hiện ở chỗ nó là cơ sở để các nhà tâm lý học phương Tây (trước hết là các nhà tâm lý học Mỹ) xác định đối tượng nghiên cứu của ngành khoa học này – hành vi xã hội của con người.

= Thuyết cấu trúc của W. Wundt

Một trong những đóng góp lớn của ông đối với việc ra đời của Tâm lý học xã hội là cuốn sách Tâm lý học dân tộc. Cuốn sách này gồm 10 tập, được ông viết trong 20 năm (1900 – 1920).

Theo ông, tâm lý học xã hội là một phân ngành cần thiết của Tâm lý học. Ông cho rằng không thể nghiên cứu con người như một cá nhân đơn lẻ, mà cần phải nghiên cứu con người trong những mối quan hệ của con người.

= Tâm lý học Gestalt

Một trong những đại biểu xuất sắc nhất của tâm lý học Gestalt là K.Lewin, ông đã dành nhiều tâm huyết cho việc nghiên cứu khía cạnh quan trọng của Tâm lý học xã hội – nhóm nhỏ và nhóm nói chung. Lewin đã sáng lập ra Trung tâm nghiên cứu động thái nhóm. Ông cũng là tác giả của một phương pháp nghiên cứu mới trong tâm lý học xã hội – phương pháp nhóm tập luyện (training group).

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1/Anh, chị hãy tóm tắt sơ lược lịch sử hình thành của tâm lý học xã hội
- 2/Làm rõ Tâm lý học xã hội trong hệ thống các khoa học khác
- 3/Phân tích Cấu trúc của tâm lý học xã hội
- 4/Tóm tắt các học thuyết trong tâm lý học xã hội

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội

⚡ Mục tiêu:

- = Trình bày được các phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội
- = Thực hành các phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội

⚡ Nội dung chương:

2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu **Những nguyên tắc nghiên cứu**

Phải đảm bảo tính khách quan

Nghiên cứu phải đảm bảo tính khách quan, trước hết là phải nghiên cứu từ chính bản thân sự vật, hiện tượng, phải xem xét sự vật, hiện tượng như chúng vốn có trong thực tế, ghi nhận mọi chi tiết, mọi biểu hiện của chúng.

Phải nghiên cứu sự vật và hiện tượng trong các mối liên hệ của chúng

Tất cả các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đều liên hệ, tác động qua lại với nhau. Vì vậy, khi nghiên cứu phải đặt chúng trong mối quan hệ, liên hệ giữa chúng nhằm vạch ra được sự ảnh hưởng lẫn nhau, mối quan hệ nhân quả và những quy luật của sự tác động qua lại giữa chúng. Khi nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội cần thực hiện tốt các yêu cầu này, bởi vì mỗi hiện tượng tâm lý xã hội đều chịu sự ảnh hưởng và liên quan của các hiện tượng khác.

Phải nghiên cứu sự vật và hiện tượng trong sự phát triển.

Mỗi sự vật và hiện tượng trong tự nhiên hay trong xã hội đều có quá trình nảy sinh, vận động và phát triển. Tâm lý cá nhân hay của xã hội đều nằm trong quy luật này, có sự phát triển và biến đổi về chất. Bởi vậy, khi nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội, nhà khoa học cần xem xét chúng trong một quá trình.

Phải nghiên cứu sự vật và hiện tượng trong một chỉnh thể toàn vẹn

Mỗi sự vật và hiện tượng đều có một cấu trúc nhất định. Bởi vậy, yêu cầu đặt ra đối với các nhà khoa học là phải nghiên cứu sự vật và hiện tượng với cả hệ thống các thành phần trong cấu trúc của chúng cũng như mối liên hệ và quan hệ của các thành phần ấy.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu các tài liệu có ý nghĩa lớn, vì nhờ phương pháp này có thể hệ thống hóa, phân tích và xây dựng được bức tranh chung về vấn đề cần nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu tài liệu, nhà nghiên cứu có thể xác định được những vấn đề đã được giải quyết, mức độ giải quyết một vấn đề vẫn đề cần làm rõ thêm, các vấn đề chưa được giải quyết... Qua đó, nó cho phép định hướng nghiên cứu. Việc nghiên cứu tài liệu đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hoặc xây dựng hệ thống các khái niệm mà nhờ đó nghiên cứu có thể được tiến hành. Một cách ví von, nghiên cứu tài liệu chính là tìm cách “đứng trên vai những người khổng lồ” để tiến xa hơn trong nghiên cứu và tiến gần hơn đến bản chất của đối tượng nghiên cứu. Thực hiện phương pháp này để thu thập thông tin, nhà nghiên cứu cần thiết lập danh mục tài liệu nghiên cứu, ghi lại các nội dung có liên quan, phân tích, phê phán và khái quát các kết quả nghiên cứu đã có.

Một vấn đề đặc biệt xuất hiện ở đây liên quan đến việc nhà nghiên cứu lựa chọn, trình bày tài liệu như thế nào. Nhà nghiên cứu cũng là con người với những đặc điểm tâm lý cá nhân có sẵn của riêng mình với các lựa chọn chủ quan, do vậy việc nghiên cứu tài liệu phải phải ánh đúng và đầy đủ các quan điểm khác nhau. Để tránh dạng “chủ quan” (việc trình bày tài liệu theo cách của nhà nghiên cứu) mới này, một thủ pháp đặc biệt có tên gọi là “phân tích nội dung” được đưa vào (Bôgômôlôva, Xtêphanenko, 1992). Đây là

phương pháp phân tích tài liệu đặc biệt, dựa trên hình thức của tài liệu: đoạn văn bản được tách riêng ra “các đơn vị”, sau đó tính toán tần suất được sử dụng của chúng. Phương pháp phân tích nội dung chỉ có ý nghĩa sử dụng trong các trường hợp, khi nhà nghiên cứu phải làm việc với các khối thông tin lớn, cho nên phải phân tích rất nhiều văn bản.

2.2. Phương pháp quan sát

Quan sát là sự tri giác chủ động và có hệ thống các hiện tượng tâm lý nhằm tìm ra các đặc điểm đặc trưng và có ý nghĩa của chúng. Trong tâm lý học xã hội, phương pháp quan sát được sử dụng để nghiên cứu hành vi xã hội.

• Các bước tiến hành quan sát:

—Xác định mục đích, nhiệm vụ quan sát (quan sát để làm gì)

—Lựa chọn khách thể quan sát, tình huống quan sát và đối tượng quan sát (quan sát ai, quan sát cái gì)

—Lựa chọn cách thức quan sát để ít ảnh hưởng đến khách thể quan sát và thu được những thông tin cần thiết (quan sát như thế nào)

• Nhiệm vụ quan sát: là định hướng ban đầu về khách thể, đề xuất giả thuyết và kiểm tra giả thuyết. Các tình huống quan sát có thể là tình huống tự nhiên hoặc tình huống thực nghiệm (do người quan sát chủ động) tạo nên

• Đối tượng quan sát: là những hành động ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ của con người trong nhóm hay liên nhóm. Cụ thể là:

—Hành động nói (hành động ngôn ngữ). Ở đây cần chú ý quan sát tính định hướng, tần số, cường độ, mức độ diễn cảm, đặc điểm của ngôn từ, ngữ pháp, cách phát âm. - Những hành động diễn cảm thể hiện qua nét mặt, thái độ, hành động.

—Cử chỉ di chuyển, trạng thái đứng im của con người, khoảng cách giữa người này với người khác, tốc độ, phương hướng vận động, sự va chạm...

• Một số ưu điểm và hạn chế:

—Ưu điểm: Nó được sử dụng rộng rãi, chiếm ưu thế trong việc thu thập các biểu hiện của tâm lý xã hội. Trong phương pháp này, nhà khoa học có thể sử dụng những máy móc hiện đại như máy ảnh, máy ghi âm, máy quay phim để ghi lại những hiện tượng cần nghiên cứu, khi cần có thể quan sát lại nhiều lần bảo đảm tính khách quan.

—Hạn chế: phương pháp này còn có hạn chế là nó đòi hỏi nhiều thời gian; nó chỉ cung cấp những tài liệu về các biểu hiện bề ngoài có tính cảm tính. Bởi vậy, khi dùng phương pháp này nhà khoa học phải thu thập tài liệu với số liệu đủ lớn để có thể chọn lọc trong đó những tài liệu cần thiết.

~~2.3.~~ Phương pháp phỏng vấn

Đây là phương pháp rất được phổ biến trong các nghiên cứu Tâm lý học xã hội. Phương pháp này được sử dụng phổ biến trong Tâm lý học xã hội, đặc biệt trong việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội của các nhóm lớn như nghiên cứu dư luận xã hội, các đặc trưng tâm lý của các nhóm lớn. Phương pháp này cho phép nghiên cứu trên lượng khách thể lớn, với thời gian ngắn và có khả năng khái quát kết quả cao.

Tất nhiên phương pháp này cũng có những hạn chế nhất định. Để thực hiện phương pháp này, điều quan trọng nhất là xây dựng, thiết kế các câu hỏi. Việc xây dựng bảng câu hỏi để kê khai đòi hỏi nghệ thuật của nhà nghiên cứu. Logic của việc xây dựng câu hỏi, thứ tự các câu hỏi, kiểu của chúng (mở - đóng) cần phải được suy tính kĩ càng. Người lập bảng điền kê khai cần phải có “chìa khóa”, nhờ đó các câu trả lời câu hỏi có thể được trình bày một cách thích hợp. Để có được bảng câu hỏi đáp ứng được các tiêu chí đo lường tâm lý như: độ ứng nghiệm (hay còn gọi là độ hiệu lực), độ tin cậy... người thiết kế cần được đào tạo về kĩ thuật thiết kế các bảng hỏi và phải thực hiện một quy trình đầy đủ. Có nhiều quy tắc xây dựng cho mỗi bảng câu hỏi, phân bố chúng theo một trật tự nhất định, nhóm lại thành các khối riêng biệt...

2.4. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi

Dùng để hiểu rõ thái độ của mọi người đối với các biến cố xã hội, những nhiệm vụ xã hội có liên quan đến họ cũng như nhu cầu, nguyện vọng, định hướng hoạt động của họ trong tương lai. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi để nghiên cứu thông qua công cụ là bảng hỏi. • Các nguyên tắc đặt câu hỏi:

- = Trong một câu hỏi chỉ cần tìm hiểu một khía cạnh, không nên chứa đựng nhiều nội dung nghiên cứu.
- = Nên tránh sử dụng các thuật ngữ nước ngoài không được sử dụng rộng rãi trong xã hội, tránh các thuật ngữ chuyên môn quá hẹp, tránh các từ đa nghĩa.
- = Không nên đưa ra các câu hỏi quá dài, đặc biệt là khi hỏi trực tiếp.
- = Nếu trong câu hỏi có sử dụng các thuật ngữ không phổ biến thì người điều tra viên có thể giải thích thêm về câu hỏi này để cho khách thể hiểu được.
- = Các câu hỏi cần được cụ thể hoá, đơn giản hoá đến mức độ cao nhất, tránh đặt câu hỏi một cách chung chung, khó hiểu (rườm rà, tối nghĩa)
- = Khi đặt câu hỏi có thể đưa ra các phương án trả lời mà mọi người đều có thể hiểu như nhau.
- = Cần tránh đặt các câu hỏi khuôn mẫu, sáo rỗng hay kiểu “đánh đố” đối với khách thể nghiên cứu
- = Cần tránh đưa ra các câu hỏi tạo nên thái độ tiêu cực đối với người được hỏi.

• Câu hỏi đóng và câu hỏi mở

- = Câu hỏi đóng là các câu hỏi đưa ra các phương án trả lời, đòi hỏi khách thể nghiên cứu phải chọn một hay một số trong các phương án trả lời.

Có hai loại câu hỏi đóng: câu hỏi đóng phân đôi và câu hỏi đóng có nhiều phương án trả lời.

- = Câu hỏi mở: là dạng câu hỏi không đưa ra các phương án trả lời. Theo yêu cầu của câu hỏi, khách thể tự bộc lộ suy nghĩ của mình.

• Cách thức trình bày bảng hỏi:

Để bảng hỏi được trả lời tốt, khi xây dựng chúng ta cần chú ý đến một số khía cạnh sau: - Ở trang đầu của bảng hỏi ghi rõ cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra.

—Tiếp theo là lời mở đầu (nêu mục đích, yêu cầu của bảng hỏi). Trong lời mở đầu cần cam kết giữ bí mật tên, tuổi cho người được hỏi. Nên viết ngắn gọn, lịch sự.

—Ở phần cuối bảng hỏi nên có lời cảm ơn người được hỏi.

—Cần chú ý đến hình thức trình bày bảng hỏi: kiểu chữ, cách trình bày